

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình, điều chỉnh theo ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội
HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở
giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non
thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp,
tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026
và những năm học tiếp theo**

Căn cứ Báo cáo số 23/BC-HĐND-VHXXH ngày 18/6/2025 của HĐND tỉnh về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo (trên cơ sở Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 11/6/2025 của UBND tỉnh);

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2353/TTr-SGD&ĐT ngày 19/6/2025; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2523/STC-NS&HCSN ngày 19/6/2025; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 1427/STP-PC ngày 19/6/2025,

UBND tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết nêu trên, cụ thể như sau:

1. Nội dung thứ nhất, về căn cứ pháp lý

- Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh:

+ Đề nghị bổ sung Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý.

+ Đề nghị UBND tỉnh thay thế căn cứ pháp lý là Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục bằng Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã bổ sung, điều chỉnh.

2. Nội dung thứ hai, về chủ trương của Tỉnh ủy trong xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh trong giai đoạn hiện nay

- Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh:

(1) Kết luận số 558-KL/TU ngày 13/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai và Tỉnh ủy Bình Phước ngày 13/6/2025, nội dung về rà soát văn bản quy phạm pháp luật “Chỉ đạo Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước xác định cụ thể các văn bản quy phạm pháp luật cần phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế

từ ngày 01/7/2025 để đảm bảo tính vận hành liên tục của tỉnh Đồng Nai (mới), hoàn thành trước ngày 18/6/2025, trình HĐND tỉnh trước ngày 01/7/2025”. Vì vậy, đề nghị bổ sung báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật cần phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế từ ngày 01/7/2025 trong hồ sơ xây dựng Nghị quyết cụ thể này.

(2) Ngày 08/12/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và hiện nay Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực. Một số nội dung và mức hỗ trợ của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai có khác so với dự thảo Nghị quyết của tỉnh Bình Phước.

Điều b, khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới quyết định việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.

Theo đó, các Nghị quyết có nội dung khác nhau được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước trước sắp xếp ban hành thì Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (mới) quyết định việc áp dụng hoặc ban hành Nghị quyết mới.

- Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu các ý kiến thẩm tra nêu trên của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; trong đó:

(1) Về đề nghị bổ sung báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật cần phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế từ ngày 01/7/2025 trong hồ sơ xây dựng Nghị quyết cụ thể này: UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tư pháp rà soát, thông tin đến Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai biết, tổng hợp.

(2) Về việc một số nội dung và mức hỗ trợ của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai có khác so với dự thảo Nghị quyết của tỉnh Bình Phước. So sánh, làm rõ hơn mức hỗ trợ giữa tỉnh Đồng Nai (cũ) và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

Đối tượng	Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước
Trẻ em	160.000 đồng/trẻ/tháng, tối đa 9 tháng/năm học; tính thời gian học theo ngày thực tế	200.000 đồng/trẻ/tháng, tối đa 9 tháng/năm học. tính thời gian học theo ngày thực tế
Giáo viên	800.000 đồng/tháng, theo số tháng dạy thực tế trong năm học, tối đa 9 tháng	800.000 đồng/tháng, theo số tháng dạy thực tế trong năm học, tối đa 9 tháng
Cơ sở mầm non tư thục/độc lập	Hỗ trợ 1 lần tối đa 30.000.000 đồng/cơ sở để mua đồ dùng, thiết bị theo danh mục Bộ GD-ĐT; có điều kiện về quy mô và % trẻ công nhân/KCN .	Hỗ trợ 20.000.000 đồng/lần/cơ sở cho thiết bị và sửa chữa cơ sở vật chất; áp dụng nơi có khu công nghiệp

Như vậy:

+ Về mức hỗ trợ cá nhân (giáo viên): Không khác biệt, cùng 800.000 đồng/tháng, tối đa 9 tháng.

+ Về mức hỗ trợ cá nhân (trẻ em): dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước cao hơn 40.000 đồng (*tỉnh Bình Phước hỗ trợ 200.000 đồng; tỉnh Đồng Nai hỗ trợ 160.000 đồng*).

+ Về hỗ trợ cơ sở: Nghị quyết của HĐND tỉnh Đồng Nai hỗ trợ cao hơn 10.000.000 đồng (*tỉnh Đồng Nai hỗ trợ 30.000.000 đồng, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước hỗ trợ 20.000.000 đồng*).

3. Nội dung thứ ba

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh:** Các nội dung và mức hỗ trợ trong dự thảo nghị quyết không thay đổi so với Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND. Tuy nhiên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 07, trong đó đánh giá kết quả đạt được và nêu rõ sự cần thiết trong việc tiếp tục ban hành Nghị quyết để thực hiện chính sách này.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, tổng hợp báo cáo (kèm theo Báo cáo số 2284/SGDDĐT-GDMN ngày 16/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

4. Nội dung thứ tư

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh:** Tại điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định trẻ em được hỗ trợ 200.000đồng/trẻ/tháng. Trong khi đó, Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND quy định trẻ em được hỗ trợ 160.000đồng/trẻ/tháng. Đề nghị giải trình căn cứ để quy định mức hỗ trợ cao hơn của dự thảo Nghị quyết so với Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, mức 160.000 đồng/trẻ/tháng là mức hỗ trợ tối thiểu. Tuy nhiên, trên cơ sở tổng hợp ý kiến từ các cơ quan, đơn vị thì một số địa phương, đơn vị đã đề xuất điều chỉnh mức hỗ trợ như sau: UBND thành phố Đồng Xoài đề nghị nâng lên 360.000 đồng/trẻ/tháng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đề nghị điều chỉnh lên 200.000đồng/trẻ/tháng. Ngoài ra, do giá cả thị trường đã thay đổi nhiều so với năm 2021; thời gian qua, giá cả các mặt hàng thực phẩm và nhu yếu phẩm phục vụ bữa ăn cho trẻ mầm non đã tăng trung bình từ 15% đến 30%. Mức hỗ trợ hiện hành 160.000 đồng/tháng không còn đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng bữa ăn trưa cho trẻ. Trên cơ sở đánh giá tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế, UBND tỉnh lựa chọn mức hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng để trình HĐND tỉnh xem xét.

So sánh kinh phí hỗ trợ giữa hai mức với tổng số trẻ được hỗ trợ trong năm học 2024-2025: 2.658 trẻ:

+ Với mức hỗ trợ 160.000 đồng/tháng: $2.658 \text{ trẻ} \times 160.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} = 3.827.520.000 \text{ đồng}$.

+ Với mức hỗ trợ 200.000 đồng/tháng: $2.658 \text{ trẻ} \times 200.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} = 4.784.400.000 \text{ đồng}$.

(Chênh lệch kinh phí giữa hai mức hỗ trợ là: 956.880.000 đồng).

Nhìn chung, việc điều chỉnh tăng lên 200.000 đồng/trẻ/tháng là phù hợp với thực tiễn, đảm bảo chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em mầm non; đúng tinh thần Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non; thể hiện sự quan tâm và ưu tiên đầu tư cho giáo dục mầm non, phù hợp với định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo đề HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm: Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh đã chỉnh sửa theo ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; Báo cáo số 2284/SGDDĐT-GDMN ngày 16/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Hồ sơ Tờ trình số 2353/TTr-SGD&ĐT ngày 19/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh,
BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, Tài chính, Tư pháp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PVX (371/25).



Trần Tuệ Hiền





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 2025/NQ-HĐND

Đề thảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập;
trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập,
tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước
từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 11/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-VHXX-HĐND ngày 18/6/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

b) Trẻ em đang học tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định, có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

c) Giáo viên đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn khu công nghiệp, bảo đảm những điều kiện sau:

- Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định,
- Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực,
- Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Định mức hỗ trợ

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm a của khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 20 triệu đồng/1 lần/cơ sở giáo dục mầm non độc lập để trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

2. Đối với trẻ em

a) Trẻ em được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng (*Hai trăm ngàn đồng/trẻ/tháng*);

b) Thời gian hỗ trợ theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

3. Đối với giáo viên

a) Giáo viên mầm non đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được hỗ trợ 800.000 đồng/tháng (*tám trăm ngàn đồng/tháng*). Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

b) Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực được hưởng hỗ trợ tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

c) Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Trường hợp dạy dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính $\frac{1}{2}$ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác; đảm bảo đúng quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2021-2022 đến năm 2024 - 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa, kỳ họp thứ, thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ GD&ĐT, Bộ TP (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (đăng Công báo tỉnh);
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VT(kèm TK371/25).

CHỦ TỊCH

BÁO CÁO

Tổng kết quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 01/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp giai đoạn từ năm học 2021–2022 đến 2024–2025

Kính gửi: UBND tỉnh Bình Phước

Thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp giai đoạn từ năm học 2021–2022 đến 2024–2025, ngành Giáo dục tỉnh đã chủ động phối hợp với các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện nghị quyết và đạt được một số kết quả như sau:

I. Công tác tổ chức, triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, đúng đối tượng.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ động tham mưu, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nghị quyết, trong đó tập trung vào các nội dung:

- Hướng dẫn Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền sâu rộng nội dung của Nghị quyết đến các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn có khu công nghiệp;

- Tổ chức rà soát, xác định đúng đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định;

- Hướng dẫn lập và hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non theo đúng quy trình, thủ tục.

Bên cạnh đó, Sở đã phối hợp với các địa phương tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và giáo viên đang công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị quyết. Nội dung tập huấn tập trung vào các quy định về điều kiện, đối tượng, quy trình lập hồ sơ và thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ.

UBND các huyện, thị xã, thành phố đã quan tâm chỉ đạo Phòng GD&ĐT chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch, UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện việc rà soát, thẩm định hồ sơ và bố trí kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định. Nhiều địa phương đã chủ động, linh hoạt trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ hồ sơ cho các cơ sở và kịp thời giải ngân kinh phí hỗ trợ.

II. Kết quả thực hiện từ năm học 2021- 2022 đến năm học 2024 -2025

- **Cơ sở giáo dục mầm non được hỗ trợ:** Tổng số cơ sở được hỗ trợ: 41 cơ sở. Tổng kinh phí hỗ trợ: 820.000 triệu đồng. Mục tiêu hỗ trợ gồm: sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học, đồ chơi cho trẻ. (Đính kèm biểu mẫu 1)

- **Tổng số trẻ em được hỗ trợ:** 7.952 lượt trẻ được hỗ trợ tiền ăn trưa Tổng kinh phí: 8.131.120 triệu đồng. Mức hỗ trợ: 160.000 đồng/trẻ/tháng (Đính kèm biểu mẫu 2)

- **Số giáo viên được hỗ trợ:** 668 người. Tổng kinh phí: 616.944 triệu đồng. Mức hỗ trợ: 800.000 đồng/người/tháng (Đính kèm biểu mẫu 3)

III. Đánh giá hiệu quả và khó khăn vướng mắc khi triển khai thực hiện Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND

1.Đánh giá hiệu quả của Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy sự phát triển của giáo dục mầm non ở những địa bàn có khu công nghiệp. Cụ thể:

- Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập: Nhờ được hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, các cơ sở mầm non dân lập, tư thục đã từng bước nâng cao điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đảm bảo ngày càng tốt hơn yêu cầu về chất lượng và an toàn.

- Góp phần giảm tải cho hệ thống trường mầm non công lập tại các khu vực có đông công nhân lao động: Với sự đồng hành từ chính sách hỗ trợ, các cơ sở ngoài công lập đủ năng lực tiếp nhận thêm nhiều trẻ em, nhất là con em công nhân, qua đó giảm áp lực tuyển sinh, sĩ số lớp học và gánh nặng đầu tư ngân sách vào hệ thống công lập.

- Tạo động lực để đội ngũ giáo viên gắn bó với nghề: Việc hỗ trợ hàng tháng cho giáo viên đang công tác tại các cơ sở ngoài công lập đã thể hiện sự quan tâm, ghi nhận từ phía nhà nước, góp phần động viên, khích lệ tinh thần và giữ chân đội ngũ giáo viên có trình độ, chuyên môn, tâm huyết.

- Tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường, đặc biệt là con em công nhân, người lao động tại khu công nghiệp: Chính sách hỗ trợ học phí giúp giảm gánh nặng chi phí cho phụ huynh, đặc biệt là lao động nhập cư, từ đó khuyến khích cha mẹ đưa trẻ đến trường đúng độ tuổi, góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ mầm non đến lớp và thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

2. Khó khăn vướng mắc trong thực hiện

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND vẫn còn tồn tại một số hạn chế, khó khăn như sau:

- Công tác rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng còn gặp nhiều lúng túng ở một số địa phương: Một số Phòng Giáo dục và Đào tạo còn chưa thực sự chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc xác minh thông tin cha, mẹ là công nhân làm việc tại khu công nghiệp; hồ sơ của các cơ sở nộp về chưa đảm bảo đầy đủ dẫn đến phải bổ sung, kéo dài thời gian xét duyệt.

- Việc phối hợp giữa ngành giáo dục và các ngành, đoàn thể chưa đồng bộ, thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả giữa nhà trường với doanh nghiệp, tổ chức công đoàn trong xác minh thông tin hợp đồng lao động, làm ảnh hưởng đến tiến độ lập và thẩm định hồ sơ hỗ trợ cho trẻ em và giáo viên.

- Một số quy định trong nghị quyết còn chặt chẽ, gây khó khăn trong triển khai thực tế như: Điều kiện về tỷ lệ trẻ là con công nhân (từ 30% trở lên/lớp hoặc nhóm trẻ) khiến nhiều cơ sở có nhu cầu nhưng không đủ điều kiện thụ hưởng. Điều này ảnh hưởng đến tính bao quát và mục tiêu mở rộng chính sách hỗ trợ.

- Nhận thức của một bộ phận phụ huynh và cơ sở giáo dục còn hạn chế. Một số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chưa nắm rõ quy định, dẫn đến việc lập hồ sơ sai sót, không đảm bảo điều kiện hỗ trợ. Bên cạnh đó, một số phụ huynh chưa chủ động cung cấp thông tin xác thực về nơi làm việc, ảnh hưởng đến việc xét hỗ trợ cho trẻ.

Kết luận: Sau 4 năm triển khai, Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND đã khẳng định là một chính sách có tính nhân văn sâu sắc, thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Bình Phước đối với con em công nhân – lực lượng lao động chủ lực tại các khu công nghiệp, cũng như đối với đội ngũ giáo viên mầm non đang công tác tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

Việc hỗ trợ trực tiếp cho trẻ em là con công nhân giúp giảm bớt gánh nặng chi phí chăm sóc, giáo dục cho các gia đình lao động, từ đó khuyến khích phụ huynh yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Đồng thời, chính sách hỗ trợ cho giáo viên đã góp phần giữ chân đội ngũ sư phạm trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tại khu vực ngoài công lập.

Mặc dù trong quá trình thực hiện vẫn còn những khó khăn, vướng mắc nhất định, nhưng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành và địa phương, nghị quyết đã được triển khai tương đối đồng bộ, hiệu quả, tạo ra những chuyển biến tích cực cả về mặt giáo dục, xã hội và an sinh.

IV. Đề xuất, kiến nghị

- Tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện và bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để duy trì chính sách hỗ trợ giáo dục mầm non tại các địa bàn có khu công nghiệp trong giai đoạn tiếp theo; đồng thời xem xét ban hành nghị quyết thay thế hoặc

điều chỉnh nội dung Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn tăng cường công tác rà soát, xác định đúng đối tượng được hỗ trợ theo quy định; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở giáo dục ngoài công lập trong việc lập hồ sơ đảm bảo đúng, đủ, kịp thời.

- Chủ động bố trí và giải ngân kinh phí hỗ trợ cho trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục theo đúng kế hoạch, tránh tình trạng chậm trễ, gây ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện chính sách.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng đến các cơ sở giáo dục và cha mẹ trẻ về chính sách hỗ trợ để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và phối hợp trong quá trình triển khai.

Trên đây là báo cáo tổng kết quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp giai đoạn từ năm học 2021–2022 đến 2024–2025 của Sở GD&ĐT Bình Phước. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GDMN.



Trần Ngọc Thắng

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cơ sở GDMN ở địa bàn ở khu công nghiệp
(Quy định tại và Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND)

(Đính kèm theo báo cáo số 24/SGDDT-GDMN ngày 16/06/2025 của Sở GD&ĐT Bình Phước)

Năm học	Số cơ sở ĐLTT trên địa bàn	Số cơ sở ĐLTT đủ điều kiện nhận hỗ trợ (nếu không có đánh số 0)	Số kinh phí dự kiến hỗ trợ (triệu đồng)	Số kinh phí đã thực hiện (triệu đồng)	Số cơ sở ĐLTT đủ điều kiện chưa được nhận hỗ trợ (nếu không có đánh số 0)	Số kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	(Lý do chưa hỗ trợ đầy đủ (nếu có))
NH 2021-2022							
Đồng Xoài	39						
Đồng Phú	7	1	20	20			
Chơn Thành	17						
NH 2022-2023							
Đồng Xoài	48	14	280	280			
Đồng Phú	9	2	40	40			
Chơn Thành	21	6	120	120			
Hớn Quản	4						
NH 2023-2024							
Đồng Xoài	49	10	200	200			
Đồng Phú	10	4	80	80			
Chơn Thành	27						
Hớn Quản	3						
HKI 2024-2025							
Đồng Xoài	56						
Đồng Phú	13	2	40	40			
Chơn Thành	30	1	20	20			
Hớn Quản	5	1	20	20			
Tổng số	338	41	820	820			

Đồng Xoài, ngày 16 tháng 6 năm 2025

Người tổng hợp

Phạm Thái Sơn

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ em là con công nhân ở khu công nghiệp
(Quy định tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND)

(Đính kèm theo báo cáo số 12/SGDĐT-GDMN ngày 16/06/2025 của Sở GD&ĐT Bình Phước)

Tên đơn vị	Đối tượng	Số trẻ được hỗ trợ (trẻ)	Số tiền hỗ trợ 1 tháng/trẻ (ngàn đồng)	Số tháng được hỗ trợ trong năm học theo quy định (tháng)	Số tháng đã chi trả (tháng)	Kinh phí đã hỗ trợ (ngàn đồng)	Số trẻ chưa được hưởng	Số tháng chưa chi trả	Ghi chú (Lý do chưa chi trả đầy đủ (nếu có))
NH 2021-2022									
Đồng Xoài	Trẻ nhà trẻ	74	160	2	2	23,680			Cơ sở tạm dừng hoạt động từ tháng 9/2021 đến tháng 3/2022 (phòng dịch bệnh Covid-19)
	Trẻ MG 3-4 tuổi	75	160	2	2	23,520			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	94	160	2	2	29,440			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	59	160	2	2	17,280			
Đồng Phú	Trẻ nhà trẻ	22	160	2	2	7,040			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	16	160	2	2	5,120			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	26	160	2	2	8,320			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	29	160	2	2	9,280			
NH 2022-2023									
Đồng Xoài	Trẻ nhà trẻ	156	160	9	9	187,840			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	138	160	9	9	184,960			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	199	160	9	9	273,760			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	169	160	9	9	240,160			
Đồng Phú	Trẻ nhà trẻ	65	160	9	9	57,600			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	78	160	9	9	82,400			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	86	160	9	9	97,120			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	83	160	9	9	95,360			
Chơn Thành	Trẻ nhà trẻ	292	160	9	9	311,040			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	302	160	9	9	370,880			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	231	160	9	9	270,560			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	231	160	9	9	304,480			
Hớn Quản	Trẻ nhà trẻ	8	160	9	9	11,520			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	8	160	9	9	11,520			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	16	160	9	9	23,040			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	10	160	9	9	14,400			
Lộc Ninh	Trẻ nhà trẻ	2	160	9	9	2,880			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	1	160	9	9	1,440			
	Trẻ MG 4-5 tuổi								
	Trẻ MG 5-6 tuổi	3	160	9	9	4,320			
Bình Long	Trẻ nhà trẻ	4	160	9	9	5,760			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	15	160	9	9	21,600			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	12	160	9	9	17,280			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	13	160	9	9	18,720			
NH 2023-2024									
Đồng Xoài	Trẻ nhà trẻ	284	160	9	9	359,840			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	226	160	9	9	299,200			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	227	160	9	9	298,080			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	231	160	9	9	323,040			
	Trẻ nhà trẻ	92	160	9	9	101,440			

Đồng Phú	Trẻ MG 3-4 tuổi	73	160	9	9	98,560			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	83	160	9	9	114,240			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	51	160	9	9	70,240			
Chơn Thành	Trẻ nhà trẻ	337	160	9	9	426,080			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	338	160	9	9	447,200			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	348	160	9	9	472,640			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	242	160	9	9	340,960			
Hớn Quản	Trẻ nhà trẻ	18	160	9	9	25,920			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	35	160	9	9	50,400			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	40	160	9	9	57,600			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	55	160	9	9	79,200			
Lộc Ninh	Trẻ nhà trẻ	1	160	9	9	1,440			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	3	160	9	9	4,320			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	2	160	9	9	2,880			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	1	160	9	9	1,440			
Bình Long	Trẻ nhà trẻ	10	160	9	9	14,400			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	17	160	9	9	24,480			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	41	160	9	9	59,040			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	22	160	9	9	31,680			
HKI 2024-2025									
Đồng Xoài	Trẻ nhà trẻ	258	160	4	4	164,800			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	177	160	4	4	113,280			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	242	160	4	4	154,880			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	215	160	4	4	137,600			
Đồng Phú	Trẻ nhà trẻ	83	160	4	4	53,120			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	100	160	4	4	64,000			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	82	160	4	4	52,480			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	79	160	4	4	50,560			
Chơn Thành	Trẻ nhà trẻ	256	160	4	4	161,440			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	343	160	4	4	218,080			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	346	160	4	4	219,840			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	324	160	4	4	206,560			
Hớn Quản	Trẻ nhà trẻ								
	Trẻ MG 3-4 tuổi	17	160	4	4	10,800			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	28	160	4	4	17,920			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	34	160	4	4	21,760			
Lộc Ninh	Trẻ nhà trẻ	2	160	4	4	1,280			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	4	160	4	4	2,560			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	4	160	4	4	2,560			
	Trẻ MG 5-6 tuổi								
Bình Long	Trẻ nhà trẻ	5	160	4	4	3,200			
	Trẻ MG 3-4 tuổi	19	160	4	4	12,160			
	Trẻ MG 4-5 tuổi	18	160	4	4	11,520			
	Trẻ MG 5-6 tuổi	22	160	4	4	14,080			
Tổng số		7,952	160	9	9	8,131,120			

Phạm Thái Sơn, ngày 11 tháng 1 năm 2025

Người tổng hợp

Phạm Thái Sơn

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non tại cơ sở GDMN ở địa bàn ở KCN
(Quy định tại và Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND)

(Đính kèm theo báo cáo số 22/KL-SGDĐT-GDMN ngày 16/06/2025 của Sở GD&ĐT Bình Phước)

Đơn vị	Số GVMN ngoài công lập thuộc địa bàn có KCN		Số GVMN ngoài công lập đủ điều kiện nhận hỗ trợ		Số tiền hỗ trợ 1 tháng/ GV (ngàn đồng)	Số tháng được hỗ trợ trong năm học theo quy định (tháng)	Số tháng đã chi trả hỗ trợ (tháng)	Số kinh phí đã thực hiện (triệu đồng)	Số giáo viên chưa được hưởng	Số tháng chưa chi trả	Ghi chú (Lý do chưa chi trả đầy đủ (nếu có))
	GV công tác tại trường (người)	GV công tác tại cơ sở GDMN độc lập (người)	GV công tác tại trường (người)	GV công tác tại cơ sở GDMN độc lập (người)							
NH 2021-2022											
Đồng Xoài	157	93	17	2	800	2	2	30,4			
Đồng Phú	35	19	10	7	800	9	9	27,200			
Chơn Thành	32	12									
NH 2022-2023											
Đồng Xoài	164	99	41	22	800	9	9	410,4			
Đồng Phú	39	31	13	6	800	9	9	124,000			
Chơn Thành	77	92	38	17	800	9	9	332			
Hớn Quản	4	4	4	4	800	9	9	28,800			
NH 2023-2024											
Đồng Xoài	165	160	37	36	800	9	9	501,6			
Đồng Phú	36	34	12	21	800	9	9	228,000			
Chơn Thành	106	74	65	37	800	9		611,2			
Hớn Quản	6	6	6	6	800	9	9	43,200			
HK1 2024-2025											
Đồng Xoài	142	189	41	51	800	4	4	294,4			
Đồng Phú	32	47	15	30	800	4	4	144,000			
Chơn Thành	112	97	77	41	800	4	4	364			
Hớn Quản	6	6	6	6	800	4	4	19,200			
Tổng số	1113	963	382	286	800	9	9	616,944			

At 16/06/2025, ngày 16 tháng 6 năm 2025

Người tổng hợp

Phạm Thái Sơn

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 1924/UBND-TH ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh về việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2025.

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND-VHXXH ngày 18/6/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, báo cáo thẩm tra các dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp thứ 25 (chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X thuộc lĩnh vực văn hóa – xã hội.

Căn cứ Công văn số: 2939/UBND-KGVX ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Báo cáo 23/BC-HĐND-VHXXH ngày 18/6/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh.

Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) kính trình UBND tỉnh xem xét, trình Thường trực HĐND tỉnh Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo như sau:

1. Nội dung thứ nhất:

Về căn cứ pháp lý:

- Đề nghị bổ sung Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý.

- Đề nghị UBND tỉnh thay thế căn cứ pháp lý là Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục bằng Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định

về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ý kiến giải trình và tiếp thu của UBND tỉnh: UBND tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra và bổ sung Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thay thế Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục bằng Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào phần căn cứ pháp lý.

2. Nội dung thứ hai:

- Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh: Ngày 08/12/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và hiện nay Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực. Một số nội dung và mức hỗ trợ của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai có khác so với dự thảo Nghị quyết của tỉnh Bình Phước. Vì vậy cần rà soát để xem xét nội dung và thời điểm ban hành Nghị quyết cho phù hợp với tình hình thành lập tỉnh Đồng Nai (mới) hiện nay.

- Ý kiến giải trình của UBND tỉnh: So sánh mức hỗ trợ giữa tỉnh Đồng Nai (cũ) và dự thảo Nghị quyết của tỉnh Bình Phước

Đối tượng	Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND của tỉnh Đồng Nai	Dự thảo Nghị quyết của tỉnh Bình Phước
Trẻ em	160.000 đồng/trẻ/tháng, tối đa 9 tháng/năm học; tính thời gian học theo ngày thực tế	200.000 đồng/trẻ/tháng, tối đa 9 tháng/năm học. tính thời gian học theo ngày thực tế
Giáo viên	800.000 đồng/tháng, theo số tháng dạy thực tế trong năm học, tối đa 9 tháng	800.000 đồng/tháng, theo số tháng dạy thực tế trong năm học, tối đa 9 tháng
Cơ sở mầm non tư thục/độc lập	Hỗ trợ 1 lần tối đa 30.000.000 đồng/cơ sở để mua đồ dùng, thiết bị theo danh mục Bộ GD-ĐT; có điều kiện về quy mô và % trẻ công nhân/KCN.	Hỗ trợ 20.000.000 đồng/lần/cơ sở cho thiết bị và sửa chữa cơ sở vật chất; áp dụng nơi có khu công nghiệp

- Kết luận:

+ Về mức hỗ trợ cá nhân (giáo viên): Không khác biệt, cùng 800.000 đồng/tháng, tối đa 9 tháng.

+ Về mức hỗ trợ cá nhân (trẻ em): Bình Phước cao hơn 40.000 đồng (cụ thể: Bình Phước hỗ trợ 200.000 đồng, Đồng Nai hỗ trợ 160.000 đồng).

+ Về hỗ trợ cơ sở: Đồng Nai cao hơn 10.000.000 đồng (cụ thể: Đồng Nai hỗ trợ 30.000.000 đồng, Bình Phước hỗ trợ 20.000.000 đồng).

3. Nội dung thứ ba:

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh:** Các nội dung và mức hỗ trợ trong dự thảo nghị quyết không thay đổi so với Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND. Tuy nhiên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 07, trong đó đánh giá kết quả đạt được và nêu rõ sự cần thiết trong việc tiếp tục ban hành Nghị quyết để thực hiện chính sách này.

- **Ý kiến giải trình của UBND tỉnh:** UBND tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra và bổ sung báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 07/2021 (báo cáo kèm theo).

4. Nội dung thứ tư:

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh:** Tại điểm a khoản 2 Điều 2 Dự thảo nghị quyết quy định trẻ em được hỗ trợ 200.000đồng/trẻ/tháng. Trong khi đó Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND quy định trẻ em được hỗ trợ 160.000đồng/trẻ/tháng. Đề nghị giải trình căn cứ để quy định mức hỗ trợ cao hơn của dự thảo nghị quyết so với Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND

- Ý kiến giải trình của UBND tỉnh:

Theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, mức 160.000 đồng/trẻ/tháng là mức hỗ trợ tối thiểu. Tuy nhiên, trên cơ sở tổng hợp ý kiến từ các đơn vị, một số địa phương, đơn vị đã đề xuất điều chỉnh mức hỗ trợ như sau: UBND thành phố Đồng Xoài đề nghị nâng lên 360.000 đồng/trẻ/tháng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đề nghị điều chỉnh lên 200.000đồng/trẻ/tháng.

Trên cơ sở đánh giá tính khả thi và phù hợp với điều kiện ngân sách, UBND tỉnh lựa chọn mức hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng để trình HĐND tỉnh xem xét.

So sánh kinh phí hỗ trợ giữa hai mức: Tổng số trẻ được hỗ trợ trong năm học 2024–2025: 2.658 trẻ.

Với mức hỗ trợ 160.000 đồng/tháng: $2.658 \text{ trẻ} \times 160.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} = 3.827.520.000 \text{ đồng}$

Với mức hỗ trợ 200.000 đồng/tháng: $2.658 \text{ trẻ} \times 200.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} = 4.784.400.000 \text{ đồng}$

Chênh lệch kinh phí giữa hai mức hỗ trợ: 956.880.000 đồng

Căn cứ đề xuất điều chỉnh: Trong thời gian qua, giá cả các mặt hàng thực phẩm và nhu yếu phẩm phục vụ bữa ăn cho trẻ mầm non đã tăng trung bình từ 15% đến 30%. Mức hỗ trợ hiện hành 160.000 đồng/tháng không còn đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng bữa ăn trưa cho trẻ.

Do đó, việc điều chỉnh tăng lên 200.000 đồng/trẻ/tháng là: Phù hợp với thực tiễn, đảm bảo chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em mầm non; Đúng

tinh thần Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non; Thể hiện sự quan tâm và ưu tiên đầu tư cho giáo dục mầm non, phù hợp với định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

Sở GD&ĐT kính trình UBND tỉnh xem xét ban hành báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.

(Hồ sơ kèm theo:

1. Dự thảo “Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo”.

2. Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành “Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo”.

3. Dự thảo Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.

4. Báo cáo 2284/SGDDĐT-GDMN ngày 16/6/2025 về việc tổng kết quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để kính trình);
- BGĐ Sở GD&ĐT (để b/c);
- Lưu: VT, P.GDMN.

alul

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Hồng Thắng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: /BC-UBND

(Dự thảo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình, điều chỉnh theo ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội
HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở
giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non
thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp,
tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026
và những năm học tiếp theo**

Căn cứ Báo cáo số 23/BC-HĐND-VHXXH ngày 18/6/2025 của HĐND tỉnh về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo (trên cơ sở Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 11/6/2025 của UBND tỉnh);

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2353/TTr-SGD&ĐT ngày 19/6/2025; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2523/STC-NS&HCSN ngày 19/6/2025; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 1427/STP-PC ngày 19/6/2025.

UBND tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết nêu trên, cụ thể như sau:

1. Nội dung thứ nhất, về căn cứ pháp lý

- Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh:

+ Đề nghị bổ sung Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý.

+ Đề nghị UBND tỉnh thay thế căn cứ pháp lý là Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục bằng Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Ý kiến của UBND tỉnh: Tiếp thu và đã bổ sung, điều chỉnh.

2. Nội dung thứ hai, về chủ trương của Tỉnh ủy trong xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh trong giai đoạn hiện nay

- Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh:

(1) Kết luận số 558-KL/TU ngày 13/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai và Tỉnh ủy Bình Phước ngày 13/6/2025, nội dung về rà soát văn bản quy phạm pháp luật "Chỉ đạo Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước xác định cụ thể các văn bản quy phạm pháp luật cần phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế từ ngày 01/7/2025 để đảm bảo tính vận hành liên tục của tỉnh Đồng Nai (mới), hoàn thành

trước ngày 18/6/2025, trình HĐND tỉnh trước ngày 01/7/2025". Vì vậy, đề nghị bổ sung báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật cần phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế từ ngày 01/7/2025 trong hồ sơ xây dựng Nghị quyết cụ thể này.

(2) Ngày 08/12/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và hiện nay Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực. Một số nội dung và mức hỗ trợ của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai có khác so với dự thảo Nghị quyết của tỉnh Bình Phước.

Điều b, khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: "Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới quyết định việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân. Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới".

Theo đó, các Nghị quyết có nội dung khác nhau được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước trước sắp xếp ban hành thì Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (mới) quyết định việc áp dụng hoặc ban hành Nghị quyết mới.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu các ý kiến thẩm tra nêu trên của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; trong đó:

(1) Về đề nghị bổ sung báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật cần phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế từ ngày 01/7/2025 trong hồ sơ xây dựng Nghị quyết cụ thể này: UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tư pháp rà soát, thông tin đến Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai biết, tổng hợp.

(2) Về việc một số nội dung và mức hỗ trợ của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai có khác so với dự thảo Nghị quyết của tỉnh Bình Phước. So sánh, làm rõ hơn mức hỗ trợ giữa tỉnh Đồng Nai (cũ) và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

Đối tượng	Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước
Trẻ em	160.000 đồng/trẻ/tháng, tối đa 9 tháng/năm học; tính thời gian học theo ngày thực tế	200.000 đồng/trẻ/tháng, tối đa 9 tháng/năm học, tính thời gian học theo ngày thực tế
Giáo viên	800.000 đồng/tháng, theo số tháng dạy thực tế trong năm học, tối đa 9 tháng	800.000 đồng/tháng, theo số tháng dạy thực tế trong năm học, tối đa 9 tháng
Cơ sở mầm non tư thục/độc lập	Hỗ trợ 1 lần tối đa 30.000.000 đồng/cơ sở để mua đồ dùng, thiết bị theo danh mục Bộ GD-ĐT; có điều kiện về quy mô và % trẻ công nhân/KCN.	Hỗ trợ 20.000.000 đồng/lần/cơ sở cho thiết bị và sửa chữa cơ sở vật chất; áp dụng nơi có khu công nghiệp

Như vậy:

+ Về mức hỗ trợ cá nhân (giáo viên): Không khác biệt, cùng 800.000 đồng/tháng, tối đa 9 tháng.

+ Về mức hỗ trợ cá nhân (trẻ em): dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước cao hơn 40.000 đồng (*tỉnh Bình Phước hỗ trợ 200.000 đồng; tỉnh Đồng Nai hỗ trợ 160.000 đồng*).

+ Về hỗ trợ cơ sở: Nghị quyết của HĐND tỉnh Đồng Nai hỗ trợ cao hơn 10.000.000 đồng (*tỉnh Đồng Nai hỗ trợ 30.000.000 đồng, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước hỗ trợ 20.000.000 đồng*).

3. Nội dung thứ ba

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh:** Các nội dung và mức hỗ trợ trong dự thảo nghị quyết không thay đổi so với Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND. Tuy nhiên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 07, trong đó đánh giá kết quả đạt được và nêu rõ sự cần thiết trong việc tiếp tục ban hành Nghị quyết để thực hiện chính sách này.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, tổng hợp báo cáo (kèm theo Báo cáo số 2284/SGDDĐT-GDMN ngày 16/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

4. Nội dung thứ tư

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh:** Tại điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định trẻ em được hỗ trợ 200.000đồng/trẻ/tháng. Trong khi đó, Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND quy định trẻ em được hỗ trợ 160.000đồng/trẻ/tháng. Đề nghị giải trình căn cứ để quy định mức hỗ trợ cao hơn của dự thảo Nghị quyết so với Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, mức 160.000 đồng/trẻ/tháng là mức hỗ trợ tối thiểu. Tuy nhiên, trên cơ sở tổng hợp ý kiến từ các cơ quan, đơn vị thì một số địa phương, đơn vị đã đề xuất điều chỉnh mức hỗ trợ như sau: UBND thành phố Đồng Xoài đề nghị nâng lên 360.000 đồng/trẻ/tháng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đề nghị điều chỉnh lên 200.000đồng/trẻ/tháng. Ngoài ra, do giá cả thị trường đã thay đổi nhiều so với năm 2021; thời gian qua, giá cả các mặt hàng thực phẩm và nhu yếu phẩm phục vụ bữa ăn cho trẻ mầm non đã tăng trung bình từ 15% đến 30%. Mức hỗ trợ hiện hành 160.000 đồng/tháng không còn đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng bữa ăn trưa cho trẻ. Trên cơ sở đánh giá tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế, UBND tỉnh lựa chọn mức hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng để trình HĐND tỉnh xem xét.

So sánh kinh phí hỗ trợ giữa hai mức với tổng số trẻ được hỗ trợ trong năm học 2024-2025: 2.658 trẻ:

+ Với mức hỗ trợ 160.000 đồng/tháng: $2.658 \text{ trẻ} \times 160.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} = 3.827.520.000 \text{ đồng}$.

+ Với mức hỗ trợ 200.000 đồng/tháng: $2.658 \text{ trẻ} \times 200.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} = 4.784.400.000 \text{ đồng}$.

(Chênh lệch kinh phí giữa hai mức hỗ trợ là: 956.880.000 đồng).

Tóm lại, việc điều chỉnh tăng lên 200.000 đồng/trẻ/tháng là phù hợp với thực tiễn, đảm bảo chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em mầm non; đúng tinh thần Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non; thể hiện sự quan tâm và ưu tiên đầu tư cho giáo dục mầm non, phù hợp với định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo đề HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Gửi kèm: Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh đã chỉnh sửa theo ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và Hồ sơ Tờ trình số 2353/TTr-SGD&ĐT ngày 19/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh.
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, Tài chính, Tư pháp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: LDVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PVX (371/25).

CHỦ TỊCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

**Dự thảo điều chỉnh sau
thẩm tra**

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập;
trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập,
tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước
từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-VHXH-HĐND ngày 00/0/2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

b) Trẻ em đang học tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định, có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

c) Giáo viên đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn khu công nghiệp, bảo đảm những điều kiện sau:

- Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định,
- Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực,
- Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Định mức hỗ trợ

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm a của khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 20 triệu đồng/1 lần/cơ sở giáo dục mầm non độc lập để trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

2. Đối với trẻ em

a) Trẻ em được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng (*Hai trăm ngàn đồng/trẻ/tháng*);

b) Thời gian hỗ trợ theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

3. Đối với giáo viên

a) Giáo viên mầm non đảm bảo các điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được hỗ trợ 800.000 đồng/tháng (*tám trăm ngàn đồng/tháng*). Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

b) Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực được hưởng hỗ trợ tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

c) Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Trường hợp dạy dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính $\frac{1}{2}$ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác; đảm bảo đúng quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2021-2022 đến năm 2024 - 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa, kỳ họp thứ, thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ GD&ĐT, Bộ TP (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (đăng Công báo tỉnh);
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VT (kèm TK350/25).

CHỦ TỊCH

Số: 2523 /STC-NS&HCSN

Bình Phước, ngày 19 tháng 6 năm 2025

V/v góp ý đối với dự thảo báo cáo
của UBND tỉnh tiếp thu, giải trình ý
kiến thẩm tra của Ban Văn hoá – Xã
hội HĐND tỉnh

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2939/UBND-KGVX ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Báo cáo số 23/BC-HĐND-BVHXH ngày 18/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Sở Tài chính nhận được Công văn số 2367/SGDĐT-VP ngày 19/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý các dự thảo Báo cáo tiếp thu của UBND tỉnh về ý kiến thẩm tra của Ban Văn hoá – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 2374/SGDĐT-GDMN về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Báo cáo của UBND tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban VHXH-HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.

Qua nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến về lĩnh vực chuyên môn của Sở Tài chính như sau:

Thông nhất với nội dung của các dự thảo Báo cáo tiếp thu của UBND tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Văn hoá – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể như sau:

1. Dự thảo Báo cáo tiếp thu, giải trình, điều chỉnh và bổ sung ý kiến thẩm tra của Ban Văn hoá – Xã hội, HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 đến năm học 2030-2031.

2. Dự thảo Báo cáo tiếp thu, giải trình, điều chỉnh và bổ sung ý kiến thẩm tra của Ban Văn hoá – Xã hội, HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều quy định nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh.

3. Dự thảo Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non

thuộc loại hình dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.

Sở Tài chính chuyển đến Sở Giáo dục và Đào tạo biết, tổng hợp chung. *Tphus*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ;
- Lưu: VT, NS&HCSN, Vính.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quốc Cường

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TƯ PHÁP

Số: 1427 /STP - PC

V/v góp ý dự thảo Báo cáo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 19 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2367/SGDDĐT-VP ngày 19/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý các dự thảo Báo cáo tiếp thu của UBND tỉnh về ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân. Qua nghiên cứu dự thảo Báo cáo và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp góp ý như sau:

Thống nhất về nội dung dự thảo Báo cáo tiếp thu của UBND tỉnh về ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là góp ý của Sở Tư pháp đối với dự thảo Báo cáo tiếp thu của UBND tỉnh về ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- PGD. Trần Thanh Long;
- Lưu: VT, P. PC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thanh Long